



ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

TRƯỜNG TRUNG HỌC VINSCHOOL
ĐỀ THI HỌC KÌ I - LỚP 6
NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN TOÁN - HỆ CHUẨN VINSCHOOL
Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4\}$. Khẳng định đúng là

- A. $1 \in A$. B. $2 \notin A$. C. $5 \in A$. D. $3 \notin A$.

Câu 2: Trong các khẳng định sau, khẳng định **sai** là

- A. $5^2 \cdot 5^3 = 5^5$. B. $5^0 = 1$. C. $5^3 : 5 = 5$. D. $5 \cdot 5^2 \cdot 5^4 = 5^7$.

Câu 3: Cho tập hợp $H = \{-3; -2; -1; 0; 1; 2\}$. Tập hợp H được viết bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng của các phần tử là

- A. $H = \{x \in \mathbb{Z} \mid -4 < x < 3\}$.
B. $H = \{x \in \mathbb{N} \mid -4 < x < 3\}$.
C. $H = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 < x < 2\}$.
D. $H = \{x \in \mathbb{Z} \mid 0 < x < 4\}$

Câu 4: Bác Yên mang một tờ 200 000 đồng và hai tờ 50 000 đồng đi chợ. Bác Yên mua 5 lạng thịt bò, 2kg khoai tây và 2kg cà rốt. Biết 1 lạng thịt bò có giá 30 000 đồng, 1kg khoai tây có giá 40 000 đồng, 1kg cà rốt có giá 17 000 đồng. Bác Yên còn lại số tiền là

- A. 36 000 đồng. B. 264 000 đồng. C. 87 000 đồng. D. 213 000 đồng.

Câu 5: Cho $A = 3^{2021} : 3^{2019}$ và $B = 2^{1945} : 2^{1942}$. Khẳng định đúng là

- A. $A < B$. B. $A = B$. C. $A \leq B$. D. $A > B$.

Câu 6: Các ống sắt của nhà máy được xếp như sau: Hàng trên cùng có 5 ống, hàng bên dưới nhiều hơn hàng kề trên một ống và hàng dưới cùng có 27 ống. Tổng số ống sắt là

- A. 368 ống. B. 23 ống. C. 736 ống. D. 32 ống.

Câu 7: Trong các số sau, số chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9 là

- A. 4050. B. 4005. C. 5004. D. 405.

Câu 8: Trong các số sau, số là ước của 24 là

- A. 0. B. 48. C. 10. D. 12.

Câu 9: Trong các số sau, số nguyên tố là

- A. 49. B. 53. C. 55. D. 42.

Câu 10: Trong các tổng sau, tổng chia hết cho 7 là

- A. $15 + 7$. B. $14 + 5$. C. $49 + 35$. D. $11 + 21$.

Câu 11: Trong các khẳng định sau, khẳng định **sai** là

- A. $BCNN(2, 3) = 0$. B. $BCNN(4, 6) = 12$. C. $12 \in BC(4, 6)$. D. $36 \in BC(4, 6)$.

Câu 12: Kết quả phân tích 540 ra thừa số nguyên tố là

A. $2^2.3^3.5$.

B. $2^2.5.27$.

C. $2^2.3^2.45$.

D. $2^3.3^3.5$.

Câu 13: Trong thời gian giãn cách chống dịch covid-19, các phòng trọ xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè thiếu rau thơm trọng. Do đó nhóm tình nguyện của chị Hiếu đã hỗ trợ người dân ở đây 850 kg rau lá và 340 kg củ quả. Số phần có thể chia được nhiều nhất để đảm bảo số rau lá và củ quả được chia đều vào các phần là

A. 20.

B. 340.

C. 17.

D. 170.

Câu 14: Cho ba số nguyên a, b, c . Khẳng định **đúng** là

A. $a - (b - c) = a - b - c$.

B. $a - (b - c) = a + b - c$.

C. $a - (b - c) = a + b + c$.

D. $a - (b - c) = a - b + c$.

Câu 15: Thành phố Yakutsk của Yakutia, thuộc nước Nga được coi là thành phố lạnh nhất trên thế giới. Vào mùa đông, nền nhiệt thường ở Yakutsk là 40°C dưới 0°C . Ta có thể nói nền nhiệt thường ở Yakutsk là

A. -40°C .

B. 40°C .

C. 0°C .

D. 20°C .

Câu 16: Kết quả của phép tính $(-43) + 109 + (-9) + 43$ là

A. 100.

B. -100.

C. 0.

D. 10.

Câu 17: Biết $2^{x-1} + 2^{x+1} = 40$. Giá trị của số nguyên x là

A. $x = 4$.

B. $x = 3$.

C. $x = 2$.

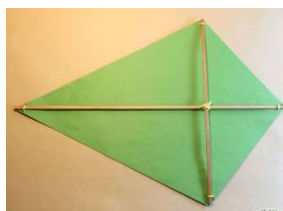
D. $x = 5$.

Câu 18: Trong các hình ảnh thực tế sau, hình ảnh xuất hiện hình thang cân là

Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



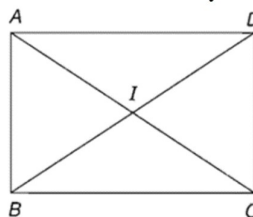
A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 19: Cho hình chữ nhật ABCD như hình vẽ dưới đây. Khẳng định **sai** là



A. $AB = AC$.

B. $AD = BC$.

C. $AC = BD$.

D. $AB = CD$.

Câu 20: Hình bình hành MNPQ có độ dài hai cạnh $MN = 8\text{cm}$ và $MQ = 7\text{cm}$. Chu vi của hình bình hành MNPQ là

A. 30cm .

B. 15cm .

C. 56cm .

D. 102cm .

Câu 21: Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm . Diện tích của hình thoi đó là

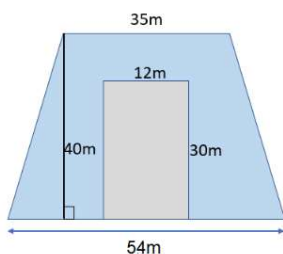
A. 24cm^2 .

B. 48cm^2 .

C. 24cm .

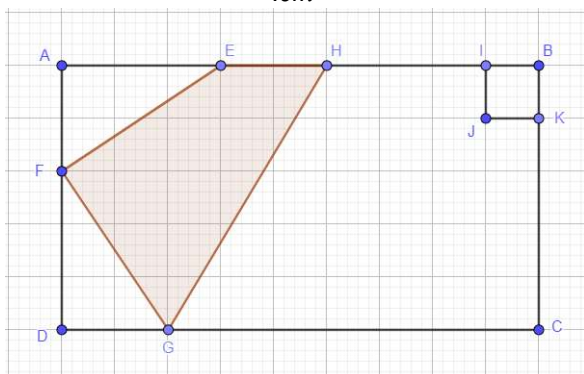
D. 48cm .

Câu 22: Một sân bóng hình chữ nhật được bao quanh bởi bãi cỏ hình thang màu xanh như hình vẽ dưới đây. Diện tích phần bãi cỏ (đã trừ sân bóng) là



- A. 1420m^2 . B. 3200m^2 . C. 1780m^2 . D. 2140m^2 .

Câu 23: Biết diện tích của hình vuông IBKJ là 4cm^2 . Diện tích của hình EHGF là



- A. 46cm^2 . B. 45cm^2 . C. 134cm^2 . D. 180cm^2 .

Câu 24: Trong các hình ảnh sau, hình ảnh **không** có trục đối xứng là

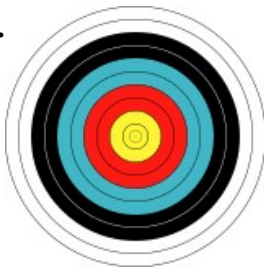
A.



B.



C.



D.



Câu 25: Số trục đối xứng của hình lục giác đều là

- A. 0. B. 2. C. 3. D. 6.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu và máy tính cầm tay. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.